5 ĐẶC ĐIỂM DÂN CƯ, XÃ HỘI CH U Á

Môn học/Hoạt động giáo dục: ĐỊA LÍ; Lớp: 8

Thời gian thực hiện: (1 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

Yêu cầu cần đạt :

Trình bày và giải thích được một số đặc điểm nổi bật của dân cư xã hội châu Á:

- Châu Á có số dân đông nhất so với các châu lục khác, mức độ tăng dân số đạt mức trung bình thế giới.

- Sự da dạng và phân bố các chủng tộc sinh sống ở Châu Á.

- Biết tên và sự phân bố chủ yếu các tôn giáo lớn của Châu Á.

2. Năng lực

\* Năng lực chung

- Năng lực tự chủ và tự học: biết chủ động tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập được giao.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Trình bày suy nghĩ/ ý tưởng, lắng nghe/ phản hồi tích cực; giao tiếp và hợp tác khi làm việc nhóm.

\* Năng lực Địa Lí

- Năng lực nhận thức khoa học địa lí: kĩ năng so sánh số dân giữa các châu lục, thấy rõ được sự gia tăng dân số.

- Năng lực tìm hiểu địa lí: sử dụng lược đồ dân cư xã hội Châu Á để xác định vị trí phân bố dân cư, các tôn giáo lớn ở Châu Á.

- Năng lực vận dụng kiến thức kĩ năng đã học: Liên hệ tôn giáo ở Việt Nam.

3. Phẩm chất

- Trách nhiệm: Bảo vệ môi trường ở những nơi đông dân cư. Không phân chia tôn giáo.

- Chăm chỉ: Tìm hiểu các đặc điểm dân cư xã hội lớn ở Châu Á.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của GV

- Bản đồ các nước trên thế giới.

- Lược đồ, tranh ảnh, tài liệu về cư dân - Các chủng tộc châu Á

- Tranh ảnh, tài liệu nói về đặc điểm các tôn giáo lớn châu Á.

2. Chuẩn bị của HS

- Sách giáo khoa, sách tập ghi bài.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động: Mở đầu (3 phút)

a) Mục đích:

- Học sinh nắm được một số đặc điểm về dân cư, tôn giáo của châu Á, vận dụng vốn hiểu biết về các nội dung đó, sử dụng kĩ năng đọc tranh ảnh để nhận biết nhằm tạo hứng thú trong học tập.

- Tạo hứng thú cho học sinh trước khi bước vào bài mới.

b) Nội dung:

Quan sát các hình ảnh về các chủng tộc, tôn giáo lớn ở Châu Á và yêu cầu học sinh trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm:

HS nhớ lại kiến thức cũ kết hợp với hiểu biết của bản thân và trả lời được các câu hỏi về chủng tộc, tôn giáo.

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Giáo viên cung cấp một số hình ảnh về các chủng tộc, tôn giáo ở châu Á và yêu cầu học sinh nhận biết theo cặp đôi:

Ví dụ 1: Trong các hình ảnh dưới đây, mỗi hình tương ứng với chủng tộc nào? Em biết gì về chủng tộc đó?

Hình a Hình b Hình c

Ví dụ 2: Trong các hình ảnh dưới đây, mỗi hình tương ứng với một tôn giáo nào? Em biết gì về tôn giáo đó?

Hình a Hình b

Hình c Hình d

Bước 2: Học sinh quan sát các hình ảnh dựa vào kiến thức đã học và hiểu biết để trả lời.

Bước 3: Cặp đôi báo cáo kết quả, các cặp khác nhận xét.

Bước 4: Giáo viên chốt lại và dẫn dắt vào bài mới.

2. Hoạt động: Hình thành kiến thức mới

2.1. Hoạt động 1: Tìm hiểu về dân số châu Á và thế giới ( 10 phút)

a) Mục đích:

- Học sinh biết được về dân số châu Á và thế giới.

- Kĩ năng đọc và phân tích bảng số liệu.

b) Nội dung:

- HS dựa vào nội dung sách giáo khoa và khai thác lược đồ tự nhiên khu vực Tây Nam Á để trả lời các câu hỏi.

Nội dung chính:

I. Một châu lục đông dân nhất thế giới

- Châu Á có số dân đông nhất, chiếm gần 59,6 % dân số thế giới.

- Mật độ dân số cao, phân bố không đều

- Hiện nay tỉ lệ tăng tự nhiên dân số đã giảm: 1,3 %

- Do thực hiện chặt chẽ chính sách dân số, sự phát triển công nghiệp và đô thị hóa ở các nước đông dân nên tỉ lệ gia tăng dân số Châu Á đã giảm.

c) Sản phẩm:

\* Học sinh làm việc cá nhân

- Số dân Châu Á đông nhất khi so với các châu lục khác.

- Số dân châu Á chiếm bao nhiêu 59,6 % so với số dân thế giới.

- Diện tích châu Á chiếm khoảng 30 % so với diện tích thế giới.

- Mật độ dân số cao và có sự phân bố khác nhau giữa các khu vực.

- Những quốc gia châu Á có dân số đông dân nhất thế giới: Trung Quốc, Ấn Độ, In-đô-nê- xi-a, Nhật Bản……

- Nguyên nhân của sự tập trung dân cư đông đúc ở châu Á: Nhiều đồng bằng lớn, màu mỡ; khí hậu gió mùa, thuận lợi cho sự phát triển kinh tế…do đó cần nhiều nguồn lao động,…

\* Hoạt động nhóm:

- Mức gia tăng tương đối dân số các châu lục và thế giới trong 50 năm (từ 1950 đến 2000).

Châu Á

Châu u Châu Đại Dương

Châu Mĩ Châu Phi Toàn TG

268,6 %

133,1 %

246,2 %

250,7 %

379,6 %

246,4 %

- Mức tăng dân số của châu Á cao nhất khi so với các châu lục khác và thế giới.

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1: \* Học sinh làm việc cá nhân: Dựa và hiểu biết và bảng thông tin trả lời các câu hỏi:

- Số dân Châu Á so với các châu lục khác như thế nào?

- Số dân châu Á chiếm bao nhiêu % so với số dân thế giới.

- Diện tích châu Á chiếm bao nhiêu % so với diện tích thế giới.

- Mật độ dân số và sự phân bố ra sao?

- Kể tên những quốc gia châu Á có dân số đông dân nhất thế giới

- Cho biết nguyên nhân của sự tập trung dân cư đông đúc ở châu Á?

Bước 2: \*Hoạt động nhóm: Dựa vào bản số liệu So sánh và tính:

- Tính mức gia tăng tương đối dân số các châu lục và thế giới trong 50 năm(từ 1950 đến 2000).

- Nhận xét mức tăng dân số của châu Á so với các châu lục và thế giới trong bảng trên.

Bước 3: Học sinh thực hiện nhiệm vụ, trao đổi kết quả làm việc và ghi vào giấy. Trong quá trình HS làm việc giáo viên quan sát, theo dõi, điều chỉnh.

Bước 4: Học sinh trình bày trước lớp, các học sinh khác nhận xét bổ sung.

Bước 5: GV chuẩn xác kiến thức, nhận xét. Đánh giá thái độ, tinh thần làm việc của học sinh.

2.2. Hoạt động 2: Tìm hiểu về các chủng tộc ở châu Á ( 10phút)

a) Mục đích:

Học sinh biết được dân cư châu Á thuộc các chủng tộc nào

b) Nội dung:

- Học sinh tìm hiểu kiến thức trong SGK và quan sát lược đồ để trả lời các câu hỏi.

Nội dung chính:

II. Dân cư thuộc nhiều chủng tộc

- Dân cư Châu Á thuộc nhiều chủng tộc, nhưng chủ yếu là Môn-gô-lô-it và Ơ-rô pê-ô-it.

- Ngoài ra còn có chủng tộc Ô-xtra-lô-it sống ở Đông Nam Á, Nam Á

- Các chủng tộc chung sống bình đẳng trong hoạt động kinh tế, văn hoá, xã hội

c) Sản phẩm:

Trả lời được các câu hỏi.

- Châu Á gồm có những chủng tộc: Môn-gô-lô-it, Ơ-rô-pê-ô-ít và Ô-xtra-lô-it.

- Địa bàn phân chủ yếu các chủng tộc:

+ Chủng tộc Ơ-rô-pê-ô-ít: Tây Nam Á, Trung Á, Nam Á.

+ Mông-gô-lô-ít: Bắc Á, Đông Á, Đông Nam Á.

+ Ôxtralôit: Nam Á, Đông Nam Á

- Dân cư châu Á phần lớn thuộc chủng tộc Môn-gô-lô-it.

- Các thành phần chủng tộc của châu Á đa dạng hơn châu u. ( Vì Châu u chủ yếu người Ơ-rô-pê-ô-it và người lai)

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Giáo viên yêu cầu học sinh đọc kênh chữ kết hợp quan sát và phân tích hình 5.1 cho biết:

- Châu Á gồm có những chủng tộc nào sinh sống

- Xác định địa bàn phân chủ yếu các chủng tộc

- Dân cư châu á phần lớn thuộc chủng tộc nào?

- So sánh các thành phần chủng tộc của châu Á và châu u.

Bước 2: Học sinh thực hiện nhiệm vụ, có thể so sánh kết quả làm việc với bạn cùng bàn để hoàn thành nội dung. Trong quá trình học sinh làm việc, giáo viên quan sát theo dõi, hỗ trợ.

Bước 3: Học sinh báo cáo kết quả làm việc, các bạn khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Giáo viên nhận xét, chuẩn kiến thức, nhận xét thái độ làm việc của học sinh.

GV nhấn mạnh dân cư thuộc các chủng tộc, dân tộc trong một quốc gia, châu lục họ cùng chung sống bình đẳng với nhau.

Liên hệ Việt Nam về sự chung sống bình đẳng của các dân tộc, chính sách đại đoàn kết dân tộc của Đảng và Nhà nước.

2.3. Hoạt động 3: Nơi ra đời các tôn giáo ở châu Á ( 10 phút)

a) Mục đích:

Học sinh biết được châu Á là nơi ra đời của một số tôn giáo lớn

b) Nội dung:

- Học sinh tìm hiểu kiến thức trong SGK và kết hợp thông tin thực tế hoàn thành phiếu học tập.

Nội dung chính:

III. Nơi ra đời của các tôn giáo lớn

- Châu Á là nơi ra đời của nhiều tôn giáo lớn: Ấn Độ giáo, Phật giáo, Hồi giáo, Ki Tô giáo .

- Các tôn giáo đều khuyên răn tín đồ làm việc thiện tránh điều ác.

c) Sản phẩm: Hoàn thành phiếu học tập

Đặc điểm

Ấn Độ giáo

Phật giáo

Ki-tô giáo

Hồi giáo

Nơi ra đời

Ấn Độ

Ấn Độ

Pa-le-xtin

Ả rập xê út

Thời gian

TK đầu của thiên niên kỉ thứ nhất TCN

TK VI TCN

Từ đầu CN

TK VII sau CN

Thờ thần

Vi-snu ( 70%) và Siva (30%), thuyết luân hồi, tục ăn chay,…

Thích ca Mâu Ni, thuyết luân hồi nhân quả

Chúa Giê-su-sa-lem, kinh thánh

Thánh Ala, kinh Cô-ran

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chia nhóm phân công nhiệm vụ: Mỗi nhóm thảo luận tìm hiểu 1 tôn giáo lớn

- Dựa vào hiểu biết và kết hợp quan sát các ảnh H5.2 hoàn thành phiếu học tập sau:

Phiếu học tập

Đặc điểm

Ấn Độ giáo

Phật giáo

Ki-tô giáo

Hồi giáo

Nơi ra đời

Thời gian

Thờ thần

Bước 2: Các nhóm thực hiện nhiệm vụ, sau đó trao đổi trong nhóm để cùng thống nhất phương án trả lời.

Bước 3: Đại diện từng nhóm trình bày, các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Giáo viên chuẩn xác kiến thức, nhận xét, đánh giá về thái độ làm việc của các nhóm.

Giáo viên liên hệ về tình hình tôn giáo ở Việt Nam và chính sách đoàn kết các tôn giáo của Đảng và Nhà nước ta.

3. Hoạt động: Luyện tập (10 phút)

a) Mục đích:

- Giúp học sinh củng cố và khắc sâu nội dung kiến thức bài học

b) Nội dung: Vận dụng kiến thức bài học để thực hiện nhiệm vụ

c) Sản phẩm: Viết được 1 đoạn văn theo yêu cầu

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV giao nhiệm vụ: Tìm kiếm thông tin viết một đoạn văn nêu cảm nhận của em về dân cư châu Á. Thuận lợi và khó khăn của dân cư Châu Á.

Bước 2: HS hỏi và đáp ngắn gọn. GV giới thiệu những điều cần đạt được trong đoạn văn.

Bước 3: GV gọi HS thực hiện xong đọc đoạn văn cho các bạn khác nghe và nhận xét. GV mở rộng kiến thức.

4. Hoạt động: Vận dụng (2 phút)

a) Mục đích: Hệ thống lại kiến thức về châu lục.

b) Nội dung: Vận dụng kiến thức đã học hoàn thành nhiệm vụ.

c) Sản phẩm: Thiết kế một sản phẩm.

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV giao nhiệm vụ: Tìm kiếm thông tin và thuyết trình về 1 địa điểm tôn giáo nổi tiếng ở Châu Á.

Bước 2: HS hỏi và đáp ngắn gọn. GV giới thiệu các địa điểm HS có thể tìm hiểu.

Bước 3: GV dặn dò HS tự làm ở nhà tiết sau nhận xét.